08.02 Cơ sở thương mại, khách sạn, nhà hàng và dịch vụ cá thể phân theo quận huyện

Number of household establishments in trade, hotel, restaurant and services by district

Cơ sở - Establishment

	2005	2007	2008	2009	2010
Tổng số - *Total*	**241.319**	**296.297**	**293.896**	**299.818**	**304.377**
Quận 1- *Dist. 1*	14.213	13.460	14.116	14.203	14.370
Quận 2 - *Dist. 2*	5.216	6.589	6.148	5.960	5.007
Quận 3 - *Dist. 3*	15.019	9.233	9.166	9.131	10.262
Quận 4 - *Dist. 4*	4.715	4.425	4.260	3.898	3.790
Quận 5 - *Dist. 5*	10.655	12.327	11.509	11.261	13.059
Quận 6 - *Dist. 6*	9.706	10.815	10.080	10.090	11.174
Quận 7 - *Dist. 7*	5.701	11.729	11.645	11.468	12.888
Quận 8 - *Dist. 8*	8.137	15.511	14.790	12.508	15.092
Quận 9 - *Dist. 9*	10.584	10.978	10.856	11.236	10.960
Quận 10 - *Dist. 10*	6.788	9.851	8.966	8.086	7.595
Quận 11- *Dist. 11*	7.744	10.917	10.501	9.480	9.070
Quận 12 - *Dist. 12*	11.195	13.631	13.884	16.326	15.426
Gò Vấp - *Go Vap*	24.348	23.468	23.641	27.855	29.360
Tân Bình - *Tan Binh*	24.668	23.680	24.164	23.422	23.945
Tân Phú - *Tan Phu*	10.331	16.720	17.342	18.913	17.969
Bình Thạnh - *Binh Thanh*	14.783	12.391	12.604	17.645	13.443
Phú Nhuận - *Phu Nhuan*	6.502	6.514	6.620	5.812	5.484
Thủ Đức - *Thu Duc*	14.147	19.858	19.887	19.768	20.478
Bình Tân - *Binh Tan*	10.090	19.213	18.203	19.224	20.285
Củ Chi - *Cu Chi*	4.677	11.900	11.768	10.851	11.579
Hóc Môn - *Hoc Mon*	9.398	10.448	10.312	10.168	12.599
Bình Chánh - *Binh Chanh*	8.758	15.470	16.229	15.118	14.260
Nhà Bè - *Nha Be*	2.743	4.108	4.165	4.269	4.034
Cần Giờ - *Can Gio*	1.201	3.061	3.040	3.126	2.248

CỤC THỐNG KÊ TP. HỒ CHÍ MINH
PHÒNG THỐNG KÊ TỔNG HỢP
ĐT: 38 299 838, 38 244 733